

Thực trạng nhận thức về môi trường học tập trong nhà trường tại Trường Đại học Quy Nhơn

Võ Thị Thủy

Email: vothithuy@qnu.edu.vn
Trường Đại học Quy Nhơn
170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn,
tỉnh Bình Định, Việt Nam

TÓM TẮT: Môi trường học tập là vấn đề mà giáo dục hiện đại rất quan tâm bởi những tác động mạnh mẽ của nó đến hiệu quả giáo dục nói chung và hoạt động dạy và học nói riêng. Việc nhận thức đúng đắn về môi trường học tập trong nhà trường là cơ sở quan trọng để xây dựng và phát huy vai trò của nó. Nghiên cứu tiến hành tại Trường Đại học Quy Nhơn với khách thể nghiên cứu là cán bộ quản lý giáo dục, sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học và giảng viên tham gia giảng dạy ngành này đã ghi nhận được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức về khái niệm, vai trò, cấu trúc và yêu cầu của môi trường học tập trong nhà trường về cơ bản đã được đảm bảo. Tuy nhiên, một số vai trò quan trọng của môi trường học tập trong nhà trường chưa được nhìn nhận đúng mức cần được điều chỉnh.

TỪ KHÓA: Nhận thức, môi trường học tập, Đại học Quy Nhơn, sinh viên, ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học.

→ Nhận bài 21/6/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/7/2023 → Duyệt đăng 20/8/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320114>

1. Đặt vấn đề

Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2009 đã đề cập đến năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục trong chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên phổ thông. Đến năm 2018, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT được ban hành đã tiếp tục đề cập về tiêu chuẩn xây dựng môi trường giáo dục. Thông tư mới đã chi tiết hóa tiêu chuẩn trên thành các tiêu chí cụ thể, bao gồm: Xây dựng văn hóa nhà trường; Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường; Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. Điều này chứng tỏ việc xây dựng môi trường trong giáo dục ngày càng được coi trọng. Phân tích các tiêu chí của tiêu chuẩn trên cho thấy, môi trường giáo dục là thuật ngữ được hiểu theo nghĩa rộng, bên trong bao hàm nhiều khía cạnh khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề cập đến môi trường học tập trong nhà trường - một bộ phận trong môi trường giáo dục nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận có liên quan

2.1.1. Môi trường học tập

- **Khái niệm môi trường học tập:** Theo tác giả Phạm Hồng Quang, môi trường học tập là tập hợp những yếu tố không gian nhân lực vật lực và tài lực, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc học tập đạt kết quả tốt. Môi trường học tập cần được tạo ra ở nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội [1]. Tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy cho rằng, môi trường học tập là nơi diễn ra hoạt động học tập của người học gồm tập hợp các yếu tố có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển hoạt động

học tập của người học [2]. Theo tác giả Lê Đức Quảng: “Môi trường học tập bao gồm đầy đủ các yếu tố vật chất và tinh thần ở bên trong nhà trường nhằm khuyến khích cho người học học tập và phát triển toàn diện bản thân. [3]. Trên cơ sở phân tích các quan điểm về môi trường học tập, chúng tôi cho rằng, môi trường học tập là nơi diễn ra hoạt động học tập, bao gồm sự tổng hòa của những yếu tố vô hình và hữu hình, những yếu tố thuộc về vật chất và những yếu tố phi vật chất thuộc về tinh thần, cảm xúc cùng với mối quan hệ giữa chúng tạo nên sự tác động đến quá trình dạy và học của người dạy và người học.

- **Vai trò của môi trường học tập:** Môi trường học tập được xây dựng hợp lí sẽ trở thành “dung môi” giúp cho việc học tập được diễn ra thuận lợi và có chất lượng giúp phát huy hết khả năng vốn có của bản thân, đồng thời khơi dậy và làm bộc lộ tiềm năng của mỗi người. Krug cho rằng, môi trường học tập của nhà trường thể hiện giá trị của việc học tập và là bầu không khí khuyến khích vươn đến sự thành công [4]. Nhóm tác giả Trần Quốc Thành và Từ Đức Văn đã cho rằng: “Môi trường học tập ảnh hưởng không nhỏ tới mục đích, động cơ học tập. Mục đích, động cơ của hoạt động học không có sẵn, nó được hình thành trong quá trình học tập dưới tác động của nhiều yếu tố: yếu tố chủ quan (nhu cầu, hứng thú, tình cảm, thái độ, ... của người học) và yếu tố khách quan (cha mẹ, thầy cô giáo, bạn bè, ...)” [5]. Tác giả Hoàng Thanh Tú cũng khẳng định: “Tạo một môi trường học tập tích cực giúp sinh viên có được động lực học tập, tư duy năng động, sáng tạo, luôn tìm kiếm giải pháp cho những tình huống khác nhau” [6].

Như vậy, môi trường học tập: Góp phần phát huy tối

đa mọi giá trị về giáo dục nói chung; Góp phần tạo ra sự đồng bộ, thống nhất trong chỉnh thể của quá trình giáo dục; Cung cấp điều kiện, phương tiện, kích thích động cơ học tập; Tạo nên sự phát triển bền vững của giáo dục.

- *Cấu trúc của môi trường học tập*: Tác giả Phạm Hồng Quang cho rằng, môi trường học tập gồm yếu tố bên trong và bên ngoài. Theo tác giả Trần Quốc Thành [5], môi trường học tập gồm môi trường vật chất và môi trường tinh thần. Theo tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy, môi trường học tập gồm môi trường trí tuệ, môi trường vật lí, môi trường xã hội và môi trường tâm lí [2]. Trên cơ sở tham khảo các quan điểm, chúng tôi cho rằng, môi trường học tập bao gồm: Môi trường tâm lí và môi trường vật chất.

Môi trường tâm lí: Tập hợp tất cả những yếu tố phi vật chất, tác động đến mọi mặt thuộc về tâm lí - của người dạy và người học, đảm bảo cho việc thực hiện hiệu quả quá trình dạy và học. Môi trường tâm lí bao gồm: Các mối quan hệ trong lớp học; Hệ thống nội quy, kỉ luật và giá trị văn hóa trong lớp học; Động cơ, hứng thú đối với hoạt động dạy và học; Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; Thành phần, quy mô và cơ cấu lớp học.

Môi trường vật chất: Những yếu tố vật chất hiện hữu ở xung quanh có tác động đến hoạt động dạy và học, bao gồm: Không gian và việc bố trí, sắp xếp trong không gian đó; Phương tiện dạy học trực quan, thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy và học linh hoạt; Nội dung và tài liệu học tập.

2.1.2. Yêu cầu đối với môi trường học tập của sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học nhằm đáp ứng đòi hỏi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

a. Đặc điểm trong hoạt động đào tạo của ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học

- Là chuyên ngành đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động giáo dục học sinh ở cấp Tiểu học - cấp học bắt buộc, đầu tiên trong bậc giáo dục phổ thông, thực hiện mục tiêu hình thành nền tảng nhân cách cho học sinh.

- Sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học được trang bị kiến thức, kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp để đảm nhận nhiều môn học với nhiều lĩnh vực nội dung và nhiều hoạt động giáo dục đa dạng để phát triển toàn diện cho học sinh. Mỗi môn học hay mỗi hoạt động giáo dục sẽ có những yêu cầu và đặc trưng nên cần phải có cách tiếp cận tương ứng.

- Sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học được chuẩn bị mọi điều kiện để làm việc với đối tượng học sinh có độ tuổi từ 6 tuổi, gắn với giai đoạn chuyển đổi hoạt động chủ đạo ở học sinh từ vui chơi sang học tập, rất cần sự định hướng từ giáo viên.

- Sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học được hướng

dẫn để thực hiện những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với thực tiễn, thực hiện được quy định của các cấp. Ví dụ, những thay đổi trong Luật Giáo dục, Điều lệ trường tiểu học, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên,...

Những đặc điểm trên dẫn đến yêu cầu về năng lực và phẩm chất đối với sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học rất đa dạng. Chẳng hạn, năng lực lập và thực hiện kế hoạch dạy học; năng lực vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học; năng lực giải quyết các tình huống sư phạm; năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập, tổ chức đánh giá trong giáo dục; năng lực xây dựng, quản lí và sử dụng hồ sơ dạy học; năng lực phát triển chương trình môn học, ... Các phẩm chất cần đạt như: Yêu thương học sinh, bao dung, công bằng, thân thiện, kiên trì, ...

b. Những đòi hỏi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (đối với cấp Tiểu học)

- Xuất phát từ quan điểm định hướng và mục tiêu xây dựng Chương trình, giáo viên cần phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh trên cơ sở trang bị kiến thức, giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho việc phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, có được những kiến thức và kĩ năng cơ bản nhất để tiếp tục học trung học cơ sở.

- Cần xử lí được các nguồn học liệu để tổ chức hoạt động dạy học bởi sách giáo khoa không phải là nguồn kiến thức duy nhất và mỗi môn học có nhiều sách giáo khoa nhằm thay đổi mục tiêu dạy học từ “truyền thụ kiến thức” sang dạy học “phát triển năng lực”.

- Chương trình “mở” (chỉ quy định số tiết/năm học) đòi hỏi giáo viên phải tham gia xây dựng phân phối chương trình, cùng nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học.

- Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản; Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Liên quan đến nội dung này có dạy học tích hợp và phân hóa. Cần đổi mới nội dung dạy học và phương pháp dạy học để thực hiện dạy học tích hợp và phân hóa.

- Vai trò của giáo viên là phải chuyển mạnh từ vị trí là “người dạy” sang vị trí là người “tổ chức, kiểm tra, định hướng” hoạt động học của học sinh. Chương trình mới sẽ chú trọng hơn việc rèn luyện cho học sinh năng động, có tư duy độc lập, có khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề, hợp tác làm việc theo nhóm,... Giáo viên cần thực hiện phương pháp dạy học tích cực, chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh;

- Kiểm tra đánh giá kết quả của học sinh phong phú hơn về hình thức và phương pháp. Đánh giá học sinh không chỉ dựa trên kiến thức các em học được mà là việc vận dụng được kiến thức đó.

- Giáo viên cần đổi mới phương pháp và cách thức khai thác sử dụng cơ sở vật chất, phương tiện theo yêu cầu mới của Chương trình.

c. Yêu cầu đối với môi trường học tập của sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học

Xuất phát từ những đặc điểm trên của ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học và yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho thấy, sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học cần được đào tạo trong môi trường học tập sau:

- *Công bằng, khách quan và tôn trọng người học trong các mối quan hệ và đánh giá:* “Môi trường học tập có hiệu quả là nơi tạo được cho người học cảm giác thoải mái, an toàn và được tôn trọng bởi bạn bè và thầy cô giáo, do đó mà các quá trình nhận thức sẽ được kích thích hoạt động” [1]. Người học nỗ lực rèn luyện phẩm chất và năng lực của giáo viên tương ứng với môi trường học tập mà họ trải qua.

- *Hiện đại, đầy đủ và tiện lợi về cơ sở vật chất:* Thế hiện thông qua hệ thống phòng học hiện đại, thoáng đãng, trang thiết bị kỹ thuật được lắp đặt đầy đủ, tương ứng với không gian, mang lại sự tiện lợi, linh hoạt tạo điều kiện tối ưu cho người học trong sử dụng, thay đổi và sáng tạo.

- *Đáp ứng nhu cầu của người học về nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, đánh giá kết quả và tài liệu học tập:* Tài nguyên học tập phong phú; Nội dung dạy học luôn đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội; Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả phù hợp.

- *Hấp dẫn, thu hút và kích thích hoạt động học tập:* Mọi hoạt động liên quan đến học tập được tổ chức đa dạng, lành mạnh, thu hút, mang tính kích thích bởi sự động viên, khích lệ hoặc sự cạnh tranh tích cực, phát huy vai trò của người học.

Việc đảm bảo tất cả những yêu cầu trên nhằm góp phần hình thành và rèn luyện những phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên tiểu học cho sinh viên Sư phạm Giáo dục tiểu học.

2.2. Khái quát về quá trình khảo sát

2.2.1. Phương pháp khảo sát

Chúng tôi sử dụng các phương pháp khảo sát gồm: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học nhằm thu thập những thông tin cần thiết phục vụ cho nghiên cứu vấn đề và được tiến hành theo các bước như sau:

Bước 1: Điều tra thăm dò: Chúng tôi sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến thăm dò trên mẫu khách thể là 20 giảng viên nhằm thu thập thông tin, xác định độ tin cậy và độ giá trị của phiếu điều tra, chỉnh sửa những câu hỏi chưa đạt yêu cầu để tiến hành điều tra chính thức trên diện rộng. Sau khi phân tích kết quả điều tra thăm dò, chúng tôi đã sửa một số câu hỏi trong bảng hỏi.

Bước 2: Điều tra chính thức:

- Điều tra bằng phiếu hỏi: Tiến hành bằng cách liên hệ với sinh viên các lớp Sư phạm Giáo dục tiểu học và các giảng viên có tham gia giảng dạy cho ngành này để

trao đổi về mục đích, nội dung, cách thức trả lời phiếu điều tra; cách thu phiếu điều tra.

- Phỏng vấn: Tiến hành sau khi thu và xử lý số liệu điều tra bằng bảng hỏi: Liên hệ với sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý để phỏng vấn trực tiếp và ghi lại kết quả định tính.

Bước 3: Xử lý số liệu: Kết quả điều tra bằng bảng hỏi được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học.

2.2.2. Khách thể, nội dung và thời gian khảo sát

- *Về khách thể khảo sát:* Chúng tôi tiến hành khảo sát sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học và giảng viên tham gia giảng dạy ngành này tại Trường Đại học Quy Nhơn.

Về sinh viên: Chúng tôi đã chọn ngẫu nhiên 25% sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học được biên chế theo các lớp học phần, chia đều cho các khóa, bao gồm: Tổng là 202 sinh viên, trong đó có 56 sinh viên năm thứ 4; 48 sinh viên năm thứ 3; 50 sinh viên năm thứ 2 và 48 sinh viên năm thứ nhất.

Về giảng viên: Chúng tôi đã chọn giảng viên thuộc khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, giảng viên khoa khác trong trường có tham gia giảng dạy cho ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học và tổng số giảng viên được chọn là 54 giảng viên.

Về cán bộ quản lý: Chúng tôi đã chọn cán bộ quản lý Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, cán bộ quản lý phụ trách phòng Đào tạo Đại học. Số lượng cán bộ quản lý được phỏng vấn là 6 cán bộ quản lý.

Về nội dung khảo sát: Nhận thức về môi trường học tập trong nhà trường, gồm: Khái niệm về môi trường học tập trong nhà trường; vai trò của môi trường học tập trong nhà trường; cấu trúc của môi trường học tập trong nhà trường; yêu cầu đối với môi trường học tập trong nhà trường.

Về thời gian khảo sát: Năm học 2021 - 2022.

2.2.3. Thang đo và tiêu chí đánh giá

Cấu trúc của thang đo được phân bổ vào nhóm khách thể là sinh viên và giảng viên tự đánh giá về thực trạng vấn đề nghiên cứu. Các dữ kiện của toàn thang đo sử dụng thang điểm với 5 mức độ và quy ước điểm theo các mức: Mức độ 1 điểm trung bình từ 1 điểm đến dưới 1.8 điểm; Mức độ 2 điểm trung bình từ 1.8 điểm đến dưới 2.6 điểm; Mức độ 3 điểm trung bình 2.6 điểm đến dưới 3.4 điểm; Mức độ 4 điểm trung bình 3.4 điểm đến dưới 4.2 điểm; Mức độ 5 điểm trung bình 4.2 điểm đến 5 điểm.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Thực trạng nhận thức về khái niệm môi trường học tập trong nhà trường

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 đã cho thấy, mức độ nhận thức về khái niệm môi trường học tập trong nhà trường của giảng viên và sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Quy Nhơn về cơ bản đã đạt yêu

Bảng 1: Kết quả khảo sát nhận thức của giảng viên và sinh viên về khái niệm môi trường học tập trong nhà trường (n = 256 gồm 54 giảng viên + 202 sinh viên)

| TT | Khái niệm về môi trường học tập | Yếu | | Trung bình | | Khá | | Tốt | | Xuất sắc | | \bar{X} | Thứ bậc |
|-----------|--|----------|------|------------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|-----------|---------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| 1 | Toàn bộ cơ sở vật chất, tinh thần mà trong đó người học đang sống, lao động và học tập, được sử dụng nhằm tác động đến sự hình thành nhân cách của người học. | 23 | 8.98 | 69 | 26.95 | 58 | 22.66 | 57 | 22.27 | 49 | 19.14 | 3.03 | 6 |
| 2 | Toàn bộ điều kiện vật chất, tinh thần và các quan hệ xã hội trong đó con người sống, hoạt động có tác động tích cực đến sự hình thành và phát triển nhân cách. | 19 | 7.42 | 73 | 28.52 | 42 | 16.41 | 56 | 21.88 | 66 | 25.78 | 3.25 | 5 |
| 3 | Toàn bộ những yếu tố về vật chất và tinh thần trong nhà trường có tác động đến hoạt động dạy và học ở trong đó. | 7 | 2.73 | 37 | 14.45 | 51 | 19.92 | 73 | 28.52 | 88 | 34.38 | 3.77 | 1 |
| 4 | Là môi trường được tạo ra ở nhà trường, gia đình, cộng đồng và xã hội phục vụ cho hoạt động học tập. | 14 | 5.47 | 25 | 9.77 | 101 | 39.45 | 82 | 32.03 | 34 | 13.28 | 3.3 | 4 |
| 5 | Tập hợp những yếu tố không gian, nhân lực, vật lực và tài lực trong nhà trường, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc học tập đạt kết quả tốt. | 21 | 8.2 | 24 | 9.38 | 65 | 25.39 | 87 | 33.98 | 59 | 23.05 | 3.46 | 2 |
| 6 | Là một bộ phận của môi trường giáo dục nói chung, được tạo ra trong nhà trường nhằm phục vụ cho hoạt động học tập của người học. | 13 | 5.08 | 21 | 8.2 | 62 | 24.22 | 81 | 31.64 | 79 | 30.86 | 3.36 | 3 |
| \bar{X} | | 6.31 | | 16.21 | | 24.68 | | 28.39 | | 24.42 | | 3.36 | |

cầu ($\bar{X} = 3.36$). Thêm vào đó, về xếp thứ bậc cũng cho thấy ba phương án trả lời được xếp thứ bậc cao nhất (1,2 và 3) chính là ba quan niệm về môi trường học tập trong nhà trường phổ biến hiện nay, ba phương án trả lời còn lại là quan niệm chung về môi trường giáo dục. Điều này có nghĩa về mặt nhận thức, giảng viên và sinh viên tham gia khảo sát không bị nhầm lẫn giữa môi trường học tập trong nhà trường và môi trường giáo dục nói chung. Đây là kết quả tích cực đối với hoạt động nghiên cứu về vấn đề trên ở Trường Đại học Quy Nhơn. Khi thực hiện phỏng vấn cán bộ quản lý về vấn đề này, chúng tôi thu được kết quả tương đối phù hợp với những ý kiến trọng tâm về môi trường học tập được đề xuất trong phiếu hỏi. Cán bộ quản lý nhà trường cũng cho rằng, môi trường học tập là nơi diễn ra hoạt động dạy và học với tổ hợp những yếu tố về vật chất và tinh thần.

2.3.2. Thực trạng nhận thức về vai trò của môi trường học tập trong nhà trường

Bảng 2 cho thấy, môi trường học tập trong nhà trường có nhiều vai trò và đã được giảng viên và sinh viên lựa chọn ở mức rất cao, với $\bar{X} = 3.46$. Vai trò được ghi nhận nhiều nhất: Góp phần phát huy tối đa mọi giá trị về giáo

dục nói chung. Tuy nhiên, vai trò “Tạo nên sự phát triển bền vững của giáo dục” - một vai trò trọng tâm của môi trường học tập có tỉ lệ thấp hơn hẳn so với các vai trò khác, điểm trung bình là 3.13. Kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý về nội dung này chúng tôi thu được thêm các ý kiến gồm: Môi trường học tập trong nhà trường sẽ giúp người học sự thích ứng với xã hội dễ dàng hơn; rèn luyện kỹ năng sống; phát huy tối đa mọi nguồn lực trong giáo dục.

2.3.3. Thực trạng nhận thức của giảng viên, sinh viên về cấu trúc của môi trường học tập trong nhà trường

Kết quả Bảng 3 cho thấy tỉ lệ lựa chọn phù hợp đạt mức tốt ($\bar{X} = 3.4$). Phương án được giảng viên và sinh viên lựa chọn xếp thứ bậc cao nhất là: Các mối quan hệ trong lớp học liên quan đến hoạt động học tập. Cùng với đó là kết quả lựa chọn xếp thứ 2 và 3 đã cho thấy, môi trường tâm lý rất được coi trọng trong môi trường học tập. Bảng 3 cho thấy, về cơ bản giảng viên và sinh viên đã hình dung ra môi trường học tập trong nhà trường bao gồm những yếu tố nào là chủ chốt. Khi được phỏng vấn thêm về vấn đề này, về phía sinh viên có ý kiến rằng: Môi trường học tập trong nhà trường ngoài

Bảng 2: Kết quả khảo sát nhận thức của giảng viên và sinh viên về vai trò của môi trường học tập trong nhà trường (n = 256 gồm 54 giảng viên + 202 sinh viên)

| TT | Vai trò của môi trường học tập trong nhà trường | Yếu | | Trung bình | | Khá | | Tốt | | Xuất sắc | | \bar{X} | Thứ bậc |
|-----------|---|----------|------|------------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|-----------|---------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| 1 | Góp phần phát huy tối đa mọi giá trị về giáo dục nói chung | 11 | 4.3 | 24 | 9.38 | 67 | 26.17 | 86 | 33.59 | 68 | 26.56 | 3.65 | 1 |
| 2 | Góp phần tạo ra sự đồng bộ, thống nhất trong chính thể của quá trình giáo dục | 7 | 2.73 | 29 | 11.33 | 85 | 33.2 | 72 | 28.13 | 63 | 24.61 | 3.48 | 3 |
| 3 | Cung cấp điều kiện, phương tiện, kích thích động cơ học tập | 14 | 5.47 | 35 | 13.67 | 62 | 24.22 | 76 | 29.69 | 69 | 26.95 | 3.59 | 2 |
| 4 | Tạo nên sự phát triển bền vững của giáo dục | 23 | 8.98 | 41 | 16.02 | 61 | 23.83 | 64 | 25 | 67 | 26.17 | 3.13 | 4 |
| \bar{X} | | | 5.73 | | 13.67 | | 27.08 | | 27.61 | | 25.91 | 3.46 | |

Bảng 3: Kết quả khảo sát nhận thức của giảng viên, sinh viên về cấu trúc của môi trường học tập trong nhà trường (n = 256 gồm 54 giảng viên + 202 sinh viên)

| TT | Cấu trúc của môi trường học tập trong nhà trường | Yếu | | Trung bình | | Khá | | Tốt | | Xuất sắc | | \bar{X} | Thứ bậc |
|-----------|---|----------|-------|------------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|-----------|---------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| 1 | Các mối quan hệ trong lớp học liên quan đến hoạt động học tập | 10 | 3.91 | 30 | 11.72 | 34 | 13.28 | 110 | 42.97 | 72 | 28.13 | 3.58 | 1 |
| 2 | Hệ thống nội quy, kỉ luật và giá trị văn hóa trong lớp học | 11 | 4.3 | 47 | 18.36 | 63 | 24.61 | 79 | 30.86 | 56 | 21.88 | 3.5 | 3 |
| 3 | Động cơ, hứng thú đối với hoạt động dạy và học | 12 | 4.69 | 33 | 12.89 | 50 | 19.53 | 102 | 39.84 | 59 | 23.05 | 3.54 | 2 |
| 4 | Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập | 26 | 10.16 | 28 | 10.94 | 81 | 31.64 | 67 | 26.17 | 54 | 21.09 | 3.23 | 8 |
| 5 | Thành phần, quy mô và cơ cấu lớp học | 19 | 7.42 | 32 | 12.5 | 68 | 26.56 | 63 | 24.61 | 74 | 28.91 | 3.36 | 5 |
| 6 | Không gian và việc bố trí, sắp xếp trong không gian đó | 25 | 9.77 | 47 | 18.36 | 61 | 23.83 | 57 | 22.27 | 66 | 25.78 | 3.35 | 6 |
| 7 | Phương tiện dạy học trực quan, thiết bị hỗ trợ hoạt động dạy và học linh hoạt | 28 | 10.94 | 41 | 16.02 | 65 | 25.39 | 58 | 22.66 | 64 | 25 | 3.4 | 4 |
| 8 | Nội dung và tài liệu học tập | 10 | 3.91 | 31 | 12.11 | 100 | 39.06 | 86 | 33.59 | 29 | 11.33 | 3.27 | 7 |
| \bar{X} | | | 6.89 | | 14.11 | | 25.49 | | 30.37 | | 23.15 | 3.4 | |

những yếu tố trên còn có thương hiệu của nhà trường và uy tín của thầy cô. Về phía giảng viên và cán bộ quản lí, nhiều ý kiến cho rằng, cần nhấn mạnh yếu tố về văn hóa trong học tập. Như vậy, các thành tố tạo nên môi trường học tập đã được giảng viên, cán bộ quản lí và sinh viên nhận thức khá đầy đủ, toàn diện, thể hiện sự quan tâm đến môi trường học tập trong nhà trường của chính họ.

2.3.4. Thực trạng nhận thức về yêu cầu đối với môi trường học tập trong nhà trường

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy, tất cả ý kiến đề xuất đều được tán thành với tỉ lệ cao ($\bar{X} = 3.57$). “Hấp dẫn, thu hút và kích thích hoạt động học tập”, là phương án được lựa chọn mức cao nhất. Phương án này cho thấy giảng viên và sinh viên coi trọng yêu cầu về môi trường tâm

lí như đã đề cập ở Bảng 3. Các yêu cầu được chọn mức thấp cũng rất tương ứng với kết quả Bảng 3. Tuy nhiên, tỉ lệ chênh lệch giữa các phương án rất thấp. Cụ thể, các mức điểm trung bình: 3.63; 3.61; 3.6 và 3.45. Thực hiện phỏng vấn các nhóm đối tượng, chúng tôi thu được kết quả đề xuất bổ sung nhiều yêu cầu như: Môi trường học tập cần phải luôn đổi mới, tránh sự nhàm chán cả về vật chất lẫn tinh thần, thực tiễn, hiện đại và đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng người học, mang tính cạnh tranh, tính liên kết mạnh.

3. Kết luận

Môi trường học tập là vấn đề rất được quan tâm trong giáo dục hiện đại, là yếu tố tác động trực tiếp đến chất lượng dạy và học trong nhà trường. Để tạo ra

Bảng 4: Kết quả khảo sát nhận thức của giảng viên và sinh viên về yêu cầu đối với môi trường học tập trong nhà trường (n = 256 gồm 54 giảng viên + 202 sinh viên)

| TT | Yêu cầu đối với môi trường học tập trong nhà trường | Yếu | | Trung bình | | Khá | | Tốt | | Xuất sắc | | \bar{X} | Thứ bậc |
|-----------|--|----------|-------|------------|-------|----------|-------|----------|-------|----------|-------|-----------|---------|
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| 1 | Công bằng, khách quan và tôn trọng người học trong các mối quan hệ và đánh giá. | 11 | 4.3 | 20 | 7.81 | 65 | 25.39 | 68 | 26.56 | 92 | 35.94 | 3.61 | 2 |
| 2 | Hiện đại, đầy đủ và tiện lợi trong cơ sở vật chất. | 9 | 3.52 | 18 | 7.03 | 81 | 31.64 | 72 | 28.13 | 76 | 29.69 | 3.6 | 3 |
| 3 | Hấp dẫn, thu hút và kích thích hoạt động học tập. | 18 | 7.03 | 24 | 9.38 | 66 | 25.78 | 85 | 33.2 | 63 | 24.61 | 3.63 | 1 |
| 4 | Đáp ứng nhu cầu của người học về nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, đánh giá kết quả và tài liệu học tập. | 27 | 10.55 | 26 | 10.16 | 67 | 26.17 | 75 | 29.3 | 61 | 23.83 | 3.45 | 4 |
| \bar{X} | | | 6.35 | | 8.6 | | 27.25 | | 29.30 | | 28.52 | 3.57 | |

được môi trường học tập lí tưởng trong nhà trường cho người học thì việc nhận thức đúng đắn về vấn đề này là cơ sở quan trọng hàng đầu. Qua quá trình khảo sát thực trạng nhận thức về các vấn đề liên quan đến môi trường học tập trong nhà trường cho sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Quy Nhơn, chúng tôi đã thu nhận được những kết quả tích

cực. Về cơ bản, nhận thức của giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lí về môi trường học tập trong nhà trường là phù hợp. Các nhóm đối tượng về đa số nhận thức được môi trường học tập trong nhà trường là tập hợp những yếu tố hữu hình và vô hình cấu thành, có nhiều vai trò đối với người dạy và người học, đối với hoạt động giáo dục nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Hồng Quang, (2006), *Môi trường giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Thu Thủy, (9/2014), *Thiết kế môi trường học tập kiến tạo trong lớp bồi dưỡng thường xuyên giáo viên*, Tạp chí Giáo dục, số 341, tr.37-39.
- [3] Lê Đức Quảng, (12/2018), *Vai trò của giảng viên trong xây dựng môi trường học tập tích cực tại các trường đại học và cao đẳng*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tân Trào, số 10, tr.92 - 98.
- [4] Krug S. (2001), *Instructional leadership: A constructivist perspective*, Educational Administration Quarterly, 28 (3), pp. 430-443.
- [5] Từ Đức Văn - Trần Quốc Thành, (2016), *Nâng cao năng lực hiểu biết về môi trường giáo dục và xây dựng môi trường học tập* - Tài liệu bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên (Dành cho giáo viên trung học cơ sở), NXB Giáo dục - NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Hoàng Thanh Tú, (4/2008), *Xây dựng môi trường học tập tích cực cho sinh viên sư phạm*, Tạp chí Giáo dục, số 187, tr.22-24.

THE REAL STATUS OF AWARENESS ABOUT THE SCHOOL LEARNING ENVIRONMENT AT QUY NHON UNIVERSITY

Vo Thi Thuy

Email: vothithuy@qnu.edu.vn
 Quy Nhon University
 170 An Duong Vuong, Quy Nhon city,
 Binh Dinh province, Vietnam

ABSTRACT: *The learning environment is an issue that modern education is very interested in because of its strong effects on educational effectiveness in general and teaching and learning activities in particular. An appropriate awareness of the school learning environment is an important basis for developing and promoting its role. Research conducted at Quy Nhon University with managers, students of primary education pedagogy, and lecturers participating in teaching this field has recorded many positive results. Their awareness of the concept, role, structure, and requirements of the school learning environment has basically been ensured. However, some of its crucial roles have not been properly recognized and need be adjusted.*

KEYWORDS: Awareness, learning environment, Quy Nhon University, students, primary education pedagogy.